

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2022/UBTVQH15 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 90/2025/UBTVQH15

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2022/UBTVQH15 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 90/2025/UBTVQH15

1. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 15 như sau:

“5. Phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Quốc hội quyết định tổ chức phiên họp theo hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và trực tuyến.

Căn cứ tính chất, nội dung phiên họp và tình hình thực tiễn, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội tham mưu Chủ tịch Quốc hội quyết định hình thức tổ chức phiên họp. Văn phòng Quốc hội bảo đảm điều kiện về kỹ thuật, hạ tầng công nghệ, bảo mật, an toàn thông tin và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức phiên họp theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Sau khi kết thúc từng nội dung được Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại phiên họp, căn cứ ý kiến kết luận của Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội điều hành nội dung phiên họp, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội hoàn thiện và gửi dự thảo văn bản kết luận về nội dung phiên họp thuộc lĩnh vực phụ trách để

trình Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội điều hành nội dung phiên họp, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, Phó Chủ tịch Quốc hội điều hành nội dung phiên họp chỉ đạo báo cáo Chủ tịch Quốc hội trước khi phát hành. Việc ký văn bản kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 như sau:

“c) Dự thảo văn bản ý kiến, kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nội dung xin ý kiến;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 29 như sau:

“5. Căn cứ nội dung, tính chất của văn bản, Chủ tịch Quốc hội ký hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội ký văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua.

Trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội có ý kiến, kết luận về nội dung được xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản thì việc ký văn bản ý kiến, kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Căn cứ chương trình lập pháp hằng năm, dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội, chương trình công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội phối hợp với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Quốc hội quyết định tổ chức Hội nghị theo hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và trực tuyến; hình thức tổ chức Hội nghị được ghi trong kế hoạch tổ chức Hội nghị.

Căn cứ tính chất, nội dung Hội nghị và tình hình thực tiễn, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội tham mưu Chủ tịch Quốc hội quyết định hình thức tổ chức Hội nghị. Văn phòng Quốc hội bảo đảm điều kiện về kỹ thuật, hạ tầng công nghệ, bảo mật, an toàn thông tin và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức Hội nghị theo quy định.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định tổ chức cuộc họp, hội nghị khác theo đề nghị của thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội hoặc Văn phòng Quốc hội để triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

Cuộc họp, hội nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tổ chức theo hình

thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và trực tuyến theo quyết định của Chủ tịch Quốc hội.

Căn cứ tính chất, nội dung cuộc họp, hội nghị và tình hình thực tiễn, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội tham mưu Chủ tịch Quốc hội quyết định hình thức tổ chức cuộc họp, hội nghị. Văn phòng Quốc hội bảo đảm điều kiện về kỹ thuật, hạ tầng công nghệ, bảo mật, an toàn thông tin và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức cuộc họp, hội nghị theo quy định.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Việc ký văn bản ý kiến, kết luận cuộc họp, hội nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 40a như sau:

“Điều 40a. Xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

1. Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp là đầu mối giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổng hợp, xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội.

2. Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp gửi văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đề xuất nhiệm vụ lập pháp theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật gửi đề xuất nhiệm vụ lập pháp đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Căn cứ quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp tổng hợp, xây dựng dự thảo Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi gửi xin ý kiến Chính phủ, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, các cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Chính phủ, các cơ quan, tổ chức hoàn thiện dự thảo Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định để trình cơ quan có thẩm quyền của Đảng phê duyệt.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

“1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua chương trình lập pháp hằng năm, điều chỉnh chương trình lập pháp hằng năm theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 43 như sau:

“1. Sau khi Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội được cơ quan có thẩm quyền của Đảng phê duyệt, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo kế hoạch triển khai thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội,

báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định để gửi xin ý kiến đại biểu Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp chủ trì tiếp thu, hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đề xuất nhiệm vụ lập pháp theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật đề xuất bổ sung nhiệm vụ lập pháp mới, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp tổng hợp, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh kế hoạch.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 46 như sau:

“3. Trình tự Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự thảo pháp lệnh, nghị quyết thực hiện theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật.

Trường hợp tại phiên họp, các cơ quan thống nhất với dự thảo pháp lệnh, nghị quyết và nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh lý thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua ngay tại phiên họp đó.

4. Việc hoàn thiện văn bản pháp lệnh, nghị quyết sau khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua để trình Chủ tịch Quốc hội ký ban hành thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Quy chế này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

“Điều 50. Hoàn thiện văn bản sau khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua

1. Việc hoàn thiện văn bản luật, pháp lệnh, nghị quyết quy phạm pháp luật sau khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua thực hiện như sau:

a) Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, hoàn thiện kỹ thuật văn bản;

b) Sau khi hoàn thành việc rà soát, hoàn thiện kỹ thuật văn bản, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp gửi văn bản luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được hoàn thiện đến Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra để thực hiện quy trình trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản.

Trường hợp có vấn đề các cơ quan không thống nhất về kỹ thuật văn bản, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp đề xuất phương án xử lý và nêu rõ trong văn bản gửi Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra. Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra tham mưu, báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực xem xét, xử lý;

c) Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra gửi văn bản luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được hoàn thiện kèm theo phiếu xin ý kiến, xác nhận của Phó Chủ tịch

Quốc hội phụ trách lĩnh vực, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách công tác của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo, người đứng đầu cơ quan chủ trì thẩm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết do Chính phủ trình thì còn phải xin ý kiến, xác nhận của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; đối với luật, pháp lệnh thì còn phải xin ý kiến, xác nhận của Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

Cá nhân được gửi phiếu xin ý kiến, xác nhận có trách nhiệm xem xét, tham gia ý kiến, ký xác nhận và gửi lại phiếu cho Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra để hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản, bảo đảm thời hạn công bố luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định của pháp luật;

d) Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra tổng hợp, tiếp thu ý kiến để hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực xem xét, phê duyệt để trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản.

Hồ sơ trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản bao gồm:

d1) Văn bản trình của Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, trong đó báo cáo rõ ý kiến phê duyệt của Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực;

d2) Văn bản luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được hoàn thiện, có chữ ký tắt của người đứng đầu cơ quan chủ trì thẩm tra tại trang cuối của văn bản;

d3) Phiếu ghi ý kiến của các cá nhân quy định tại điểm c khoản này.

2. Việc hoàn thiện văn bản nghị quyết không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này sau khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua thực hiện như sau:

a) Đối với nghị quyết có thực hiện thẩm tra, Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, hoàn thiện kỹ thuật văn bản, gửi xin ý kiến người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo trước khi báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực xem xét, phê duyệt để trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản;

b) Đối với nghị quyết không thực hiện thẩm tra, Thường trực cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội chủ trì nội dung chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, hoàn thiện kỹ thuật văn bản, báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực xem xét, phê duyệt để trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản;

c) Hồ sơ trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản bao gồm:

c1) Văn bản trình của Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra hoặc Thường trực cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội chủ trì nội dung;

c2) Văn bản nghị quyết đã được hoàn thiện, có chữ ký tắt của người đứng đầu cơ quan chủ trì thẩm tra hoặc người đứng đầu cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội chủ trì nội dung tại trang cuối của văn bản;

c3) Ý kiến phê duyệt của Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực;

c4) Ý kiến của người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 58 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu phối hợp với cơ quan có liên quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuẩn bị hồ sơ đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trình tự Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định về nhân sự đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 58a như sau:

“Điều 58a. Xem xét, trình Quốc hội quyết định việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội, số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuẩn bị hồ sơ trình Quốc hội quyết định việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội, số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Hồ sơ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội bao gồm:

a) Văn bản trình của Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu;

b) Dự thảo tờ trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Dự thảo nghị quyết của Quốc hội;

d) Tài liệu khác (nếu có).

3. Trình tự Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, trình Quốc hội quyết định việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội, số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

4. Trên cơ sở kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 63 như sau:

“Điều 63. Cho ý kiến về việc trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan; thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

1. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ; thành lập,

giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Cơ quan có thẩm quyền trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật.

2. Hồ sơ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan; thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt bao gồm các tài liệu theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nội quy kỳ họp Quốc hội và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra tờ trình và đề án của Chính phủ về việc thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Việc thẩm tra tờ trình về việc thành lập, bãi bỏ cơ quan khác thực hiện theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trình tự Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan; thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 79 như sau:

“2. Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự.

Ủy ban Kinh tế và Tài chính thẩm tra tờ trình của Tổng Kiểm toán nhà nước đối với các nội dung về hoạt động của Kiểm toán nhà nước. Cơ quan của Quốc hội theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thẩm tra tờ trình của Tổng Kiểm toán nhà nước đối với các nội dung về tổ chức của Kiểm toán nhà nước.

Ủy ban Công tác đại biểu thẩm tra tờ trình của Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Quốc hội.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 86 như sau:

“1. Chủ tịch nước trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế. Hồ sơ trình thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

2. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ,

ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hồ sơ trình bao gồm các tài liệu theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế.”.

17. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 93 như sau:

“a) Quyết định việc đăng tải chương trình, tài liệu phiên họp, hội nghị công khai của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên Cổng Thông tin điện tử của Quốc hội và các nền tảng số chính thức của Quốc hội;”.

18. Bổ sung Điều 93a vào sau Điều 93 như sau:

“Điều 93a. Cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số phục vụ hoạt động của Quốc hội

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động của Quốc hội; bảo đảm phù hợp với hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và điều kiện phục vụ chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của Quốc hội; gắn chuyển đổi số với đổi mới phương thức làm việc, cắt giảm thủ tục hành chính, tinh gọn quy trình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội.

2. Hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động của Quốc hội được gửi, nhận, xử lý, cập nhật, khai thác và lưu trữ trên môi trường điện tử, phù hợp với yêu cầu công tác, điều kiện kỹ thuật và quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ, tài liệu điện tử được ký số theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý như hồ sơ, tài liệu giấy và được sử dụng trong việc gửi, nhận, xử lý, lưu trữ, khai thác hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động của Quốc hội.

4. Cơ quan của Quốc hội chủ trì nội dung có trách nhiệm cập nhật, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, thông tin và trạng thái xử lý công việc trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hoặc nền tảng số dùng chung phục vụ công tác theo dõi, tổng hợp, quản lý và khai thác thông tin.

5. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu trên hệ thống dùng chung; không được yêu cầu cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã có trên hệ thống dùng chung khi đáp ứng điều kiện khai thác, sử dụng theo quy định.

6. Việc quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động của Quốc hội phải bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

7. Việc gửi tài liệu, xin ý kiến, tổ chức họp, xử lý, theo dõi và tổng hợp công việc được thực hiện trên môi trường điện tử phù hợp với yêu cầu công tác, tính chất nội dung và điều kiện thực tế.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 97 như sau:

“Điều 97. Xử lý văn bản đi, đến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản thông báo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được phát hành chậm nhất là ngày làm việc liền kề

sau ngày ký văn bản. Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm bảo đảm để văn bản được gửi đúng thành phần nơi nhận.

2. Khi nhận được văn bản đến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (bao gồm văn bản giấy và văn bản gửi trên Trục liên thông văn bản quốc gia), Văn phòng Quốc hội chuyển ngay văn bản tới cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ để triển khai thực hiện; đồng thời, gửi bản điện tử để báo cáo Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực, đối với văn bản chứa bí mật nhà nước thì sao gửi văn bản để báo cáo.

3. Đối với văn bản có nhiều nội dung liên quan đến nhiều cơ quan, lĩnh vực thì chậm nhất trong 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản, Văn phòng Quốc hội phối hợp với cơ quan có liên quan để xử lý như sau:

a) Đề xuất với Chủ tịch Quốc hội phân công cơ quan xử lý văn bản liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ;

b) Đề xuất với Chủ tịch Quốc hội phân công cơ quan xử lý văn bản có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách của nhiều Phó Chủ tịch Quốc hội sau khi xin ý kiến các Phó Chủ tịch Quốc hội đó.

4. Khi nhận được văn bản do Văn phòng Quốc hội chuyển đến theo quy định tại khoản 2 Điều này, nếu văn bản không thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách, cơ quan nhận được văn bản chuyển trả lại ngay cho Văn phòng Quốc hội để xử lý theo quy định.

5. Văn phòng Quốc hội quy định cụ thể về quy trình xử lý văn bản đi, đến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (bao gồm văn bản giấy và văn bản gửi trên Trục liên thông văn bản quốc gia).”.

20. Thay thế, bỏ cụm từ tại một số điều, khoản sau đây:

a) Thay cụm từ “Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” tại điểm a khoản 3 Điều 19, khoản 3 Điều 55 và khoản 3 Điều 76 bằng cụm từ “pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật”;

b) Thay cụm từ “theo quy định tại Điều 38 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” tại khoản 3 Điều 44, cụm từ “theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” tại khoản 1 Điều 45, cụm từ “quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” tại khoản 1 Điều 51, cụm từ “quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” tại khoản 2 Điều 51, cụm từ “theo căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” tại khoản 1 Điều 53a, cụm từ “theo quy định tại khoản 6 Điều 64 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” tại khoản 3 Điều 53b, cụm từ “theo quy định tại Điều 57 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” tại khoản 1 Điều 53c bằng cụm từ “theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật”;

c) Thay cụm từ “xin ý kiến các Phó Chủ tịch Quốc hội để” tại khoản 3 Điều 35 bằng cụm từ “xin ý kiến Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội trước khi”;

d) Thay cụm từ “quy định tại Điều 64” tại Điều 4, cụm từ “quy định tại Điều 10” tại khoản 2 Điều 74, cụm từ “quy định tại Điều 14” và cụm từ “theo quy định tại Điều 14” tại khoản 1 Điều 84 bằng cụm từ “theo quy định”;

đ) Thay cụm từ “dự thảo nghị quyết” tại khoản 1 Điều 7, khoản 5 và khoản 6 Điều 30, khoản 4 Điều 43, tên Tiểu mục 2 của Mục 1 Chương III, Điều 44, tên Tiểu mục 3 của Mục 1 Chương III, tên Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 49 bằng từ “nghị quyết”;

e) Bỏ cụm từ “tại Điều 62” tại khoản 1 Điều 16.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2026.



**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn